

UBND TỈNH GIA LAI
VĂN PHÒNG

Số: 367 /VPUBND-PVHCC

V/v rà soát, bổ sung tài liệu kiểm chứng
Chỉ số CCHC năm 2025 của tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ.

Trên cơ sở kết quả thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ về kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2025, theo đó, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần bị trừ điểm vì chưa được báo cáo, giải trình cụ thể và chưa được cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao phân công phụ trách các lĩnh vực cải cách hành chính;

Để kịp thời bổ sung tài liệu kiểm chứng kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2025 theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan liên quan phối hợp bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình các nội dung có liên quan (*theo các Phụ lục gửi kèm*), cụ thể:

1. Sở Nội vụ: bổ sung tài liệu kiểm chứng giải trình đối với các nội dung tại Phụ lục 1.

2. Sở Tài chính: bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình đối với các nội dung tại Phụ lục 2.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình đối với các nội dung tại Phụ lục 3.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi tài liệu kiểm chứng bổ sung về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh **chậm nhất là 16 giờ 00 ngày 06 tháng 3 năm 2026** để kịp thời cập nhật trên Hệ thống đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ.

Rất mong được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, PVHCC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Võ Gia Nghĩa

PHỤ LỤC 1. SỞ NỘI VỤ

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN BỔ SUNG TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUBND-PVHCC ngày tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

Gia Lai							
STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định	Bổ sung ý kiến giải trình và đề xuất điểm số
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	10,5	6,5		4,5		
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	6,5	3,5		1,5		
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã	1	1	UBND tỉnh, UBND cấp xã đã triển khai các nội dung về sắp xếp, ban hành kịp thời các Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các phòng chuyên môn cấp xã theo đúng quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày	0	Cấp 2: Đề nghị bổ sung TLKC quy định CNNV phòng chuyên môn cấp xã	

				12/6/2025 của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Nội vụ.			
4.1.2	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	1,5	1,5	Đề án liên tịch số 05/ĐALT-UBND ngày 20/6/2025 giữa UBND tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây) về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh (khoản 6 mục III Phần III: Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự, số lượng cấp phó có thể nhiều hơn số lượng quy định, nhưng chậm nhất sau 05 năm kể từ khi sắp xếp thì số lượng cấp phó phải thực hiện theo quy định). Ngoài ra, Điều 4 Nghị định số 370/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP cũng quy định “Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ	0,5	Cấp 2: - Bổ sung phụ lục thống kê đầy đủ số lượng cấp phó của TỪNG CQCM cấp tỉnh. Đồng ý kết quả tự đánh giá Đề nghị bổ sung TLKC về số lượng cấp phó của từng phòng chuyên môn thuộc sở, ngành đã bố trí theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP	

				ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp thực hiện đúng quy định”. Do đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh hiện nay đang thực hiện sắp xếp lãnh đạo đảm bảo chậm nhất là 05 năm kể từ khi sắp xếp, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định.			
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14,5	5		3,25		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,75	1,75		0		
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,25	0,25	Các cơ quan thuộc tỉnh tiếp tục thực hiện theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành tạm thời vị trí việc làm cấp xã.	0	Cấp 2: Đề nghị bổ sung TLKC UBND tỉnh đã phê duyệt VTVL các cơ quan sau sắp xếp trong năm 2025	

5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75	0,75	Trong thời gian chưa có quy định mới của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các Quyết định vị trí việc làm đã được phê duyệt trước đây. Tài liệu kiểm chứng: Bản mô tả công việc, Khung năng lực của 05 cơ quan: Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Y tế.	0	Cấp 2: Đề nghị bổ sung TLKC UBND tỉnh đã phê duyệt VTVL các cơ quan sau sắp xếp trong năm 2025	
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75	0,75	Thực hiện theo các Quyết định vị trí việc làm đã được phê duyệt trước đây, hiện các đơn vị sự nghiệp đã phê duyệt vị trí việc làm và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt. Tài liệu kiểm chứng: Bản mô tả công việc, Khung năng lực của 05 đơn vị: Quỹ Phát triển khoa học công nghệ, Trường Cao đẳng Y tế, Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.	0	Cấp 2: Đề nghị bổ sung TLKC UBND tỉnh đã phê duyệt VTVL các ĐVSNCL sau sắp xếp trong năm 2025	

PHỤ LỤC 2. SỞ TÀI CHÍNH

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN BỔ SUNG TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUBND-PVHCC ngày tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

Gia Lai							
STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định	Bổ sung ý kiến giải trình và đề xuất điểm số
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12	7,1957		7,2124		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5	2,9457		2,9624		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	0,9833	Kế hoạch vốn năm 2025 Thủ tướng Chính phủ giao: 15.300,065 triệu đồng. Giá trị giải ngân đạt 15.045,701 triệu đồng, đạt = 98,3%.	1	Cấp 2: Báo cáo số 75/BC-BTC ngày 04/02/2026 của Bộ Tài chính về tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công 13 tháng năm 2025 và 01 tháng năm 2026; Giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026	

6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1	Không xảy ra sai phạm trong việc sử dụng kinh phí	1	Cấp 2: Không có tài liệu kiểm chứng. Chấm điểm dựa trên giải trình của địa phương.	
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,9624	Theo Biên bản của Sở Tài chính về tiến độ thực hiện khắc phục kiến nghị của KTNN về ngân sách địa phương năm 2024 và các năm trước Tổng số kiến nghị: 5.748.404.559.240 đồng; đã thực hiện: 5.532.432.902.328 đồng; đạt tỷ lệ 96,2%	0,9624	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá	<i>Đề nghị đơn vị cung cấp kết quả thực hiện cập nhật mới nhất</i>
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	4	2,25		2,25		
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,75	0	Không có thêm đơn vị tăng mức tự bảo đảm chi thường xuyên.	0		

PHỤ LỤC 3. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN BỔ SUNG TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUBND-PVHCC ngày tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

Gia Lai							
STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định	Bổ sung ý kiến giải trình và đề xuất điểm số
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN, CHÍNH QUYỀN SỐ	16	14,9999		8,8218		
7.1	Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số	1,5	1,5	Hoàn thành 100% các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong năm 2025 của Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/10/2025. Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao ngoài Kế hoạch.	0	Cấp 2: Đề nghị chỉ rõ nội dung trong trang nào của báo cáo hoặc cập nhật thêm tài liệu kiểm chứng.Đề nghị chỉ rõ nhiệm vụ được giao ngoài Kế hoạch trong trang nào của báo cáo hoặc cập nhật thêm tài	

						liệu kiểm chứng.	
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	3,5	3,5		0,8125		
7.2.1	Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh	0,5	0,5	Đã phê duyệt Khung kiến trúc số của tỉnh.	0	Cấp 2: Đề nghị gửi lại file. File kiểm chứng bị lỗi. Gửi đầy đủ nội dung liên quan tới khung kiến trúc số của tỉnh.	
7.2.2	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1	1	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây. 8/8 (100%) hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu, gồm: Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị nhà nước; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh	0	Cấp 2: Đề nghị Tỉnh cập nhật thêm tài liệu kiểm chứng về việc triển khai trung tâm dữ liệu. Đề nghị gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng về hệ thống thông tin dùng chung của Tỉnh.	

				(LGSP); Hệ thống Giám sát an toàn thông tin của Trung tâm Tích hợp dữ liệu (SOC); Hệ thống Kinh tế - Xã hội 02 cấp; Hệ thống Công dân số (iGiaLai); Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC).			
7.2.3	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	1	1	- Đã vận hành Hệ thống Trợ lý ảo của tỉnh tại địa chỉ https://trolyao.gialai.gov.vn , sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ toàn diện cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trong quá trình tra cứu thông tin. - Ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp: Áp dụng công nghệ AI nhận diện khuôn mặt kết hợp xác thực danh tính bằng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện	0	Cấp 2: Đề nghị cập nhật thêm tài liệu kiểm chứng về các ứng dụng AI.	

			tử trong mô hình thi trực tuyến tập trung. Ứng dụng công nghệ AI trong nhận dạng hình ảnh để kiểm soát và thu phí tự động đối với phương tiện sử dụng dịch vụ vận tải tại các bến xe và bãi đỗ xe đô thị - Một số ứng dụng AI nâng cao khác: + Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo đã ứng dụng AI trong thuyết minh tự động, tổng hợp giọng nói và hỗ trợ tra cứu dữ liệu khoa học, qua đó nâng cao tính tương tác và chất lượng phục vụ khách tham quan. + Hệ thống trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) được duy trì với 08 dịch vụ có triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nhất là trên các dịch vụ giám			
--	--	--	--	--	--	--

				sát thông tin trên môi trường mạng; ứng dụng AI nhận diện đám đông; Hệ thống theo dõi Giao thông thông minh.			
7.2.4	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1	1	Đạt 18/18 dịch vụ dữ liệu.	0,8125	Cấp 2: Theo số liệu NDXP.	
7.4	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	7	5,9999		4,0093		
7.4.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	0,5	0,5	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng kỹ thuật đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6 và đáp ứng yêu cầu chức năng kỹ thuật theo quy định.	0,25	Cấp 2: Không đáp ứng điểm khoản 9 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT khối địa phương	
7.4.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	0,5	Tài liệu kiểm chứng: Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	0	Cấp 2: Theo số liệu DVCTT.	
7.4.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5	1,5	Số hồ sơ trực tuyến: 662.063/662.063 hồ sơ. Tài liệu kiểm chứng:	0,283	Cấp 2: Theo số liệu EMC.	

				Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia			
7.4.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5	1,4999	Triển khai thanh toán trực tuyến đối với 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính thông qua nền tảng thanh toán trên cổng Dịch vụ công quốc gia Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 544/544 thủ tục. Tài liệu kiểm chứng: Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia Hồ sơ thanh toán trực tuyến: 659.039/659.039 hồ sơ. Tài liệu kiểm chứng: Số liệu công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	1,4763	Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giáSố liệu trên Bộ chỉ số 766, Cổng DVCQG	